

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XÁC ĐỊNH QUAN HỆ CHA, MẸ, CON TRONG TRƯỜNG HỢP SINH CON BẰNG KỸ THUẬT HỖ TRỢ SINH SẢN

Nguyễn Thị Lê Huyền*
Vũ Thị Hương**

Tóm tắt: Sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản là một trong những vấn đề quan trọng được điều chỉnh trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các văn bản có liên quan. Đây cũng là một trong những quan hệ pháp luật phức tạp và có xu hướng phát triển nhanh trong giai đoạn gần đây. Trong khi đó, các quy định của pháp luật mặc dù đã có những điều chỉnh tích cực, song vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Trong phạm vi của bài viết này, các tác giả tập trung phân tích và chỉ ra những bất cập trong các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Trên cơ sở đó, các tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

Abstract: Giving birth with assisted reproductive technology is one of important issues under the Law on Marriage and Family of 2014 and related documents. This is one of complicated relations with growing tendency in recent times. Despite some legal provisions with positive effect, there are certain inadequacies. In the scope of the article, the authors will analyze and shed light on inadequacies in the existing legal provisions on identification of parents and children in case of giving birth with assisted reproductive technology in Viet Nam. On this basis, the authors make proposals to perfect the law on this matter.

1. Dẫn nhập

Quan hệ cha, mẹ, con là mối liên hệ tự nhiên gắn liền với nhân thân của mỗi cá nhân và quyền xác định quan hệ cha, mẹ, con cũng được xem là một trong những quyền dân sự cơ bản của con người, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Điều này thể hiện rõ trong các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GD) năm 2014 cũng như các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Tuy nhiên, trong bối cảnh của xã hội hiện đại, không phải ai cũng có thể may mắn thực hiện được việc sinh con một cách tự nhiên.

May mắn thay, sự phát triển nhanh của khoa học kỹ thuật và y - sinh học bao gồm những tiến bộ của khoa học về hỗ trợ sinh sản đã trở thành “cứu cánh” cho các chủ thể có nguyện vọng sinh con, hiện thực hoá mong mỏi của họ. Trước nhu cầu của tình hình thực tiễn cũng như đáp ứng các nguyện vọng chính đáng của cá nhân, sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, đặc biệt là vấn đề thụ tinh trong ống nghiệm và mang thai hộ đã nhanh chóng được pháp luật kịp thời điều chỉnh nhằm đảm bảo quyền lợi của các chủ thể có liên quan. Song thực tiễn thực hiện pháp luật cho thấy, việc xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vẫn còn bộc lộ

*** TS., Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

nhiều bất cập. Điều này làm ảnh hưởng không nhỏ đến quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể và đặc biệt là quyền lợi của trẻ em được sinh ra từ kỹ thuật này.

2. Một số bất cập trong các quy định pháp luật về xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và kiến nghị hoàn thiện

Theo quy định tại Điều 93 Luật HN&GD năm 2014, việc xác định cha, mẹ trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản như sau: “(1) Trong trường hợp người vợ sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thì việc xác định cha, mẹ được áp dụng theo quy định tại Điều 88 của Luật này. (2) Trong trường hợp người phụ nữ sống độc thân sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thì người phụ nữ đó là mẹ của con được sinh ra. (3) Việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản không làm phát sinh quan hệ cha, mẹ và con giữa người cho tinh trùng, cho noãn, cho phôi với người con được sinh ra. (4) Việc xác định cha, mẹ trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo được áp dụng theo quy định tại Điều 94 của Luật này”. Như vậy, theo pháp luật hiện hành, việc xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản sẽ được thực hiện trong các trường hợp cụ thể sau:

- Người vợ (trong cặp vợ chồng hợp pháp) sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản;
- Người phụ nữ độc thân sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản;
- Xác định cha, mẹ, con trong trường hợp thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

2.1. Đối với việc xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp người vợ sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản

Theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Luật HN&GD năm 2014: “Trong trường hợp người vợ sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh

sản thì việc xác định cha, mẹ được áp dụng theo quy định tại Điều 88 của Luật này”¹. Như vậy, nếu người vợ thụ thai bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và việc sinh con rơi vào các thời điểm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 88 thì đứa trẻ sinh ra được xác định là con chung vợ chồng, cụ thể như sau: (1) Sinh ra trong thời kỳ hôn nhân; (2) Do người vợ thụ thai trong thời kỳ hôn nhân; (3) Sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn nhưng cha, mẹ đều thừa nhận; (4) Sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt. Điều này cũng có nghĩa là, nguyên tắc suy đoán pháp lý sẽ được áp dụng trong việc xác định quan hệ cha, mẹ, con. Theo đó, quan hệ mẹ - con được xác lập thông qua sự kiện sinh đẻ, còn quan hệ cha - con được xác lập dựa vào căn cứ chứng minh quan hệ hôn nhân hợp pháp với người mẹ. Đây cũng là nguyên tắc cơ bản để xác định cha, mẹ, con trong trường hợp sinh con tự nhiên. Tuy nhiên, đối với việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản mang những đặc trưng riêng. Do đó, việc áp dụng nguyên tắc trên sẽ bộc lộ những bất cập nhất định, cụ thể như sau:

Thứ nhất, xác định con chung trong trường hợp “con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn nhưng cha, mẹ đều thừa nhận”.

Khoản 21 Điều 3 Luật HN&GD năm 2014 quy định: “Sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản là việc sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo hoặc thụ tinh trong ống

¹ Điều 88 Luật HN&GD năm 2014 quy định: “1. Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng. Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân. Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng. 2. Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định”.

nghiệm”. Như vậy, quy định tại khoản 1 Điều 93 Luật HN&GD năm 2014 sẽ được áp dụng cho hai trường hợp: Người vợ sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo và người vợ sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.

Đối với trường hợp người vợ sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, việc áp dụng nguyên tắc này là hợp lý. Bởi vì, thụ tinh nhân tạo được giải thích là “*thủ thuật bơm tinh trùng của chồng hoặc của người cho tinh trùng vào tử cung của người phụ nữ có nhu cầu sinh con để tạo phôi*”². Điều này có nghĩa là, bản chất của thụ tinh nhân tạo là tinh trùng và noãn sẽ tự thụ tinh và phát triển ngay trong cơ thể của người phụ nữ mà không cần phải tạo phôi ở môi trường bên ngoài. Đây vẫn là quá trình mà noãn và tinh trùng kết hợp “tự nhiên” trong cơ thể của người phụ nữ sau khi có quá trình tác động “bơm tinh trùng” (nhân tạo) của con người để tạo môi trường tốt cho tinh trùng có thể gặp được noãn. Do đó, nếu người vợ mang thai bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo và sinh con thì áp dụng nguyên tắc xác định quan hệ cha, mẹ, con tại Điều 88 Luật HN&GD năm 2014 là phù hợp, vì bản chất vẫn tương tự như việc họ có quan hệ sinh lý và mang thai. Hơn nữa, thụ tinh nhân tạo cũng không được điều chỉnh bởi Nghị định số 10/2015/NĐ-CP Quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo³ nên khó có cơ chế để xác định rằng việc người phụ nữ mang thai và

sinh con có phải là thực hiện kỹ thuật thụ tinh nhân tạo hay thụ thai tự nhiên⁴. Vì vậy, ngay cả nếu trước khi đăng ký kết hôn, người vợ đã sử dụng tinh trùng của người đàn ông để bơm vào tử cung của mình nhằm thụ thai, sinh con và sau đó người phụ nữ này đăng ký kết hôn thì chỉ cần cả hai vợ chồng cùng có văn bản thừa nhận đứa trẻ được sinh ra là con chung thì vẫn áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật HN&GD năm 2014 để xác định họ là cha, mẹ hợp pháp của trẻ. Việc đăng ký nhận quan hệ cha, con này cần đảm bảo theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch⁵.

⁴ “Năm 2016, nữ tù Nguyễn Thị Huệ (42 tuổi) tại trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh đã đặt mua tinh trùng của một phạm nhân khác. Sau khi nhận được tinh trùng từ bạn tù đựng trong túi nilon, Huệ đã tự bơm vào “vùng kín” bằng bơm kim tiêm và đã thụ thai thành công. Sau đó, Huệ sinh con và thoát án tù hình”. Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 12/2003/NĐ-CP, trường hợp này có thể được xác định là thụ tinh nhân tạo. Tuy nhiên, người phụ nữ có thể tự thực hiện kỹ thuật này và không có cơ chế kiểm soát của pháp luật, do đó sẽ khó có thể xác định là thụ tinh nhân tạo hay thụ thai tự nhiên. Xem thêm: <https://eva.vn/cuoc-song-me-bau/chua-tung-an-nam-voi-nhau-trieu-phu-tre-sung-so-khi-gai-u40-ma-ng-con-den-bat-va-c292a412025.html>, truy cập ngày 11/11/2019.

⁵ Khoản 2 và khoản 3 Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP quy định như sau:

“2. Trường hợp con do người vợ sinh ra trước thời điểm đăng ký kết hôn, đã được đăng ký khai sinh nhưng không có thông tin về người cha, nay vợ chồng có văn bản thừa nhận là con chung thì không phải làm thủ tục nhận cha, con mà làm thủ tục bổ sung hộ tịch để ghi bổ sung thông tin về người cha trong Sổ đăng ký khai sinh và Giấy khai sinh của người con.

3. Trường hợp con do người vợ sinh ra trước thời điểm đăng ký kết hôn, chưa được đăng ký khai sinh mà khi đăng ký khai sinh, vợ chồng có văn bản thừa

² Xem khoản 2 Điều 3 Nghị định số 12/2003/NĐ-CP về sinh con bằng phương pháp khoa học.

³ Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 10/2015/NĐ-CP quy định về phạm vi điều chỉnh cũng đã giới hạn rằng: “Việc thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo được thực hiện theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này”.

Tuy nhiên, đối với trường hợp sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm dẫn chiếu theo quy định tại Điều 88 Luật HN&GD năm 2014 để áp dụng nguyên tắc “con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng” là không hợp lý. Bởi lẽ, nếu trước khi đăng ký kết hôn, người phụ nữ đã mang thai và sinh ra đứa trẻ bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm thì theo quy định tại Nghị định số 10/2015/NĐ-CP, đây sẽ là trường hợp người phụ nữ độc thân áp dụng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm để sinh con. Vì vậy, trong trường hợp con sinh ra trước ngày vợ, chồng đăng ký kết hôn và được vợ, chồng thừa nhận là con chung sẽ không được áp dụng đối với trường hợp con sinh ra bằng hỗ trợ kỹ thuật sinh sản. Đứa trẻ được sinh ra sẽ chỉ được xác định là con của người phụ nữ đó, dù cô ấy sau này có kết hôn và cả hai vợ chồng cùng thừa nhận đứa trẻ đó là con chung hay không. Chính vì lẽ trên, khoản 1 Điều 93 quy định dẫn chiếu đến Điều 88 Luật HN&GD năm 2014 trong trường hợp này cũng xác định là con chung của vợ chồng là không phù hợp. Điều này có thể dẫn đến cách hiểu, ngay kể cả người vợ trước khi đăng ký kết hôn đã thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và sinh con thì sau đó chỉ cần hai vợ chồng cùng có văn bản thừa nhận là con chung thì trẻ vẫn có thể được xác định là con của hai người.

Từ phân tích ở trên, các tác giả cho rằng, khoản 1 Điều 93 Luật HN&GD năm 2014 quy định về việc xác định cha, mẹ trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ

trợ sinh sản nên được sửa đổi theo hướng cụ thể hoá đối với mỗi trường hợp thụ tinh nhân tạo hay thụ tinh trong ống nghiệm. Cụ thể như sau:

“1. Trong trường hợp người vợ sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo thì việc xác định cha, mẹ được áp dụng theo quy định tại Điều 88 của Luật này; trường hợp người vợ sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm thì cặp vợ chồng đã thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm là cha, mẹ của đứa trẻ được sinh ra”.

Thứ hai, đối với trường hợp con “sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt”.

Đây là quy định mang tính nhân văn bổ sung cho Luật HN&GD năm 2000⁶ nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em được sinh ra nếu rơi vào trường hợp thành thai trước thời kỳ hôn nhân hoặc sinh ra sau thời kỳ hôn nhân và những trường hợp đặc biệt khác. Tuy nhiên, đối với việc áp dụng nguyên tắc này trong trường hợp người vợ sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm vẫn còn bộc lộ những điểm chưa hợp lý. Bởi lẽ, đây là kỹ thuật đặc biệt phức tạp với nhiều quy trình tốn kém về thời gian và công sức của các chủ thể thực hiện. Do vậy, nếu áp dụng nguyên tắc con “sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt” mới xác định là con chung của vợ chồng sẽ rất dễ dẫn đến hệ quả là lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan như vợ, chồng, thậm chí là của trẻ em được sinh ra không được bảo đảm. Bởi vì, “thụ tinh trong ống nghiệm là sự kết hợp giữa noãn và tinh

nhận là con chung thì thông tin về người cha được ghi ngay vào Giấy khai sinh của người con mà không phải làm thủ tục đăng ký nhận cha, con.

Trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cung cấp thông tin về người mẹ và lập văn bản thừa nhận con chung không đúng sự thật tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này theo quy định tại Điều 5 Thông tư này”.

⁶ Điều 63 Luật HN&GD năm 2000 không quy định trường hợp này được xác định là con chung của vợ chồng.

trùng trong ống nghiệm để tạo thành phôi”⁷. Như vậy, noãn và tinh trùng (có thể là giao tử của chính cặp vợ chồng hoặc cặp vợ chồng cũng có thể xin noãn, xin tinh trùng của người khác) được kết hợp trong môi trường ống nghiệm và sau đó sẽ chuyển phôi vào cơ thể của người vợ để người này mang thai và sinh con. Vậy, giả thiết được đặt ra, trong thời kỳ hôn nhân, hai vợ chồng hợp pháp đã cùng thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm. Hồ sơ của họ sẽ được coi là hợp pháp nếu có đơn đề nghị thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm theo mẫu số 03 Nghị định số 10/2015/NĐ-CP; cặp vợ chồng đề nghị được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm phải ghi rõ tên, tuổi của cả hai vợ chồng và phải cùng ký đơn đề nghị. Theo đó, hồ sơ đề nghị thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm của họ đã được thẩm định và chấp nhận cho phép thực hiện tại cơ sở y tế có thẩm quyền và họ đang trong quá trình tiến hành chuyển phôi vào cơ thể người vợ. Tuy nhiên, khi người vợ chuẩn bị chuyển phôi thì người chồng chết. Vậy, nếu sau khi chồng chết, người vợ vẫn tiếp tục thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm bằng cách sử dụng số phôi đã tạo trước đó để sinh con thì đứa trẻ được sinh ra có được xác định là con chung của hai vợ chồng không? Lẽ dĩ nhiên, nếu quá trình chuyển phôi được thực hiện sau khi chồng chết thì có thể con sinh ra sẽ không rơi vào trường hợp con “sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt” và do đó đứa trẻ sẽ không được xác định là con chung của vợ chồng. Vì vậy, do con sinh ra sau 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân (thời điểm người chồng chết), không được coi là con chung trong thời kỳ hôn nhân nên

nếu muốn xác định cha cho con thì người mẹ phải làm thủ tục pháp lý yêu cầu xác nhận cha cho con. Trường hợp này để xác định người cha đã chết là cha cho trẻ, người mẹ phải làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết và cung cấp chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 101 và khoản 3 Điều 102 Luật HN&GD năm 2014⁸. Điều này là không đảm bảo quyền lợi của chủ thể liên quan bởi hai lí do:

(1) Nếu phôi được tạo ra từ noãn của người vợ và tinh trùng của chính người chồng thì đứa trẻ được sinh ra đương nhiên có quan hệ huyết thống với người cha đã chết. Thông qua chứng cứ chứng minh về quan hệ huyết thống có thể xác định quan hệ cha - con. Song, việc yêu cầu Tòa án giải quyết với những thủ tục phức tạp là không cần thiết bởi trước đó, hai vợ chồng đã cùng nộp hồ sơ và hoàn thiện các thủ tục đề nghị thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm hợp pháp với mong muốn có con chung. Do đó, theo các tác giả, chỉ cần họ cung cấp chứng cứ họ đã thực hiện kỹ thuật này thì phải xác nhận rằng cặp vợ, chồng đã thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm là cha, mẹ hợp pháp của trẻ, tránh những thủ tục rắc rối không đáng có và bảo đảm quyền lợi chính đáng cho trẻ em được sinh ra.

⁷ Khoản 2 Điều 101 Luật HN&GD năm 2014 quy định: “2. Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con trong trường hợp có tranh chấp hoặc người được yêu cầu xác định là cha, mẹ, con đã chết và trường hợp quy định tại Điều 92 của Luật này”.
⁸ Khoản 3 Điều 102 Luật HN&GD năm 2014 quy định: “Cá nhân, cơ quan, tổ chức sau đây, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu Tòa án xác định cha, mẹ cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự; xác định con cho cha, mẹ chưa thành niên hoặc mất năng lực hành vi dân sự trong các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 101 của Luật này”.

⁷ Xem khoản 1 Điều 2 Nghị định số 10/2015/NĐ-CP.

(2) Nếu phôi không được tạo ra từ tinh trùng của chính người chồng mà do vợ, chồng đã thống nhất xin tinh trùng thì đứa trẻ được sinh ra không có quan hệ huyết thống với người cha đã chết. Vì vậy, dĩ nhiên nếu yêu cầu Toà án giải quyết cũng sẽ không có căn cứ để xác định mối quan hệ cha, con. Trong khi đó, về mặt ý chí của vợ chồng, họ đều mong muốn sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm để có con chung, dù cho đứa trẻ không cùng huyết thống với họ. Mong muốn này được pháp luật cho phép thực hiện và thừa nhận là hợp pháp thì rõ ràng việc không xác định đứa trẻ sinh ra là con chung của hai người là xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của chủ thể liên quan. Đồng thời, việc từ chối xác định đứa trẻ là con của người chồng đã thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm cũng tạo ra nguy cơ về sự mặc cảm không đáng có đối với bản thân đứa trẻ sau này khi lớn lên. Điều này là không phù hợp với tính nhân văn của pháp luật.

Vi vậy, khoản 1 Điều 93 Luật HN&GD năm 2014 nên được sửa đổi theo hướng đã đề xuất ở trên: “*Trong trường hợp người vợ sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm thì thì cặp vợ chồng đã thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm là cha, mẹ của đứa trẻ được sinh ra*” là phù hợp. Điều này nhằm đảm bảo tốt hơn quyền lợi chính đáng của vợ chồng cũng như đối với trẻ em được sinh ra từ kỹ thuật này.

2.2. Đối với việc xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp người phụ nữ độc thân sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản

Theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật HN&GD năm 2014, “*trong trường hợp người phụ nữ sống độc thân sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thì người phụ nữ đó là mẹ của con được sinh ra*”. Như vậy, với

quy định này, pháp luật chỉ thừa nhận quan hệ mẹ - con giữa người phụ nữ độc thân sinh ra đứa trẻ bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản mà không quy định căn cứ để xác định mối quan hệ cha - con. Điều này cũng sẽ tạo ra một số bất cập nhất định trong thực tiễn thực hiện.

Như đã phân tích, kỹ thuật hỗ trợ sinh sản bao gồm thụ tinh nhân tạo và thụ tinh trong ống nghiệm nên quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật HN&GD năm 2014 cũng sẽ được áp dụng chung cả hai trường hợp này. Đối với trường hợp sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm, việc giải quyết yêu cầu về việc xác định quan hệ cha, mẹ, con là khá rõ ràng bởi vấn đề này đã được điều chỉnh tương đối cụ thể tại khoản 3 Điều 93 Luật HN&GD năm 2014. Theo đó, chỉ xác định mẹ cho con theo nguyên tắc người phụ nữ tiến hành thụ tinh trong ống nghiệm là mẹ của đứa trẻ được sinh ra và không làm phát sinh quan hệ cha, mẹ, con “*giữa người cho tinh trùng, cho noãn, cho phôi với người con được sinh ra*”. Do đó, trong trường hợp có tranh chấp về xác định cha, mẹ, con, chỉ cần chủ thể cung cấp được hồ sơ và các giấy tờ cần thiết về việc họ đã thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm tại cơ sở y tế là đủ chứng cứ để giải quyết yêu cầu của các bên.

Tuy nhiên, vấn đề này lại không dễ dàng đối với trường hợp người phụ nữ độc thân sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, đặc biệt là trong trường hợp sử dụng tinh trùng để thụ tinh nhân tạo nhưng trái ý chí của người có tinh trùng. Như đã phân tích trên, kỹ thuật thụ tinh nhân tạo không quá phức tạp và đôi khi tự bản thân người phụ nữ vẫn có thể thực hiện được mà không cần đến sự can thiệp chuyên môn của các cơ sở y tế. Vậy, giả thiết được đặt ra là một người phụ nữ đã sử dụng tinh trùng trái với

ý chí của người có tinh trùng để thụ tinh nhân tạo và sinh con (ăn cắp tinh trùng, chiếm đoạt tinh trùng trái phép...). Sau khi đứa trẻ được sinh ra, người này đã có yêu cầu xác định quan hệ cha - con thì được giải quyết như thế nào⁹. Đây là vấn đề rất dễ xảy ra trên thực tế nhưng hiện nay pháp luật vẫn chưa có sự điều chỉnh hợp lý nhằm đảm bảo quyền của chủ thể có liên quan. Thực tiễn áp dụng pháp luật hiện nay cho thấy, nếu người phụ nữ sử dụng tinh trùng của người đàn ông nào đó để tự thụ tinh nhân tạo và sinh con thì về nguyên tắc việc xác định quan hệ cha, mẹ, con vẫn được thực hiện theo quy định tại Điều 88 và Điều 101 Luật HN&GD năm 2014, dù cho việc sử dụng tinh trùng là theo ý chí hay trái ý chí của người có tinh trùng. Tức là, nếu người phụ nữ đó sinh con khi đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với người khác thì người chồng vẫn được xác định là cha hợp pháp của đứa trẻ theo nguyên tắc suy đoán pháp lý¹⁰; Trường hợp người phụ nữ khi sinh con không tồn tại hôn nhân hợp pháp thì việc xác định quan hệ cha, mẹ con được thực hiện theo thủ tục hành chính hoặc tố tụng dân sự tùy thuộc vào việc các bên có tranh chấp hay không tranh chấp¹¹. Theo đó, nếu

người phụ nữ sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cung cấp được chứng cứ trước Tòa án (kết quả giám định ADN; các văn bản cơ sở có thẩm quyền chứng minh quan hệ huyết thống...) thì có căn cứ để xác định quan hệ cha - con. Tuy nhiên, các tác giả cho rằng, việc sử dụng tinh trùng của người khác trái ý chí của người có tinh trùng là xâm phạm nghiêm trọng quyền nhân thân của người đó. Việc sử dụng tinh trùng để thụ tinh nhân tạo trái ý chí của người có tinh trùng là hành vi bất hợp pháp¹². Song hiện nay, Luật HN&GD năm 2014 cũng như các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan vẫn chưa có những quy định cụ thể và hợp lý liên quan đến việc sử dụng tinh trùng của người khác mà không được sự đồng ý của người có tinh trùng để tiến hành thụ tinh nhân tạo và sinh con và từ đó có yêu cầu xác định quan hệ cha, mẹ, con. Điều này tạo ra sự mâu thuẫn trong cách thức giải quyết tranh chấp về xác định quan hệ cha, mẹ con hiện nay với việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chính các chủ thể bị xâm phạm. Do đó, theo các tác giả, khi có điều kiện sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật, vấn đề này cần sớm được hướng dẫn cụ thể theo hướng không công nhận quan hệ cha - con đối với trường hợp sử dụng tinh trùng trái ý chí của người có tinh trùng, đồng thời cần áp dụng các chế tài

⁹ Câu chuyện bắt đầu khi Jane, một phụ nữ Mỹ, không ngần ngại thừa nhận mình ăn cắp bao cao su mà vị tỷ phú đã sử dụng. Sau đó, cô lấy toàn bộ tinh dịch từ chiếc bao cao su này bơm sâu vào trong âm đạo để mang thai - Xem thêm Tiểu Nguyễn, *Ăn cắp tinh trùng từ bao cao su của tỷ phú và mang thai người phụ nữ thắng kiện tiền nuôi con*, <https://cafebiz.vn/an-cap-tinh-trung-tu-bao-cao-su-cua-ty-phu-v-a-mang-thai-nguoi-phu-nu-thang-kien-tien-nuoi-con-lieu-co-the-mang-thai-khi-dua-tinh-trung-va-o-am-da-o-mot-cach-thu-cong>, truy cập ngày 11/11/2019.

¹⁰ Xem Điều 88 Luật HN&GD năm 2014.

¹¹ Điều 101 Luật HN&GD năm 2014 quy định: “Thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con: 1. Cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền xác định cha, mẹ, con theo quy định của pháp luật về hộ tịch trong trường hợp không có tranh chấp; 2. Tòa án có

thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con trong trường hợp có tranh chấp hoặc người được yêu cầu xác định là cha, mẹ, con đã chết và trường hợp quy định tại Điều 92 của Luật này. Quyết định của Tòa án về xác định cha, mẹ, con phải được gửi cho cơ quan đăng ký hộ tịch để ghi chú theo quy định của pháp luật về hộ tịch; các bên trong quan hệ xác định cha, mẹ, con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự”.

¹² Điều 20 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể...”. Điều 154 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người.

ng nghiêm khắc đối với việc sử dụng, chiếm đoạt tinh trùng để thụ tinh nhân tạo theo quy định tại Điều 154 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) hiện nay.

2.3. Đối với việc xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp mang thai hộ

Mang thai hộ (MTH) vì mục đích nhân đạo là quy định tương đối mới trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Do đó, nhiều vấn đề pháp lý phát sinh bao gồm cả việc xác định quan hệ cha, mẹ con vẫn còn bộn bề những hạn chế nhất định. Chẳng hạn, việc giải quyết tranh chấp về xác định quan hệ cha, mẹ con khi có những vi phạm về điều kiện trong trường hợp MTH vì mục đích nhân đạo; việc giải quyết hậu quả pháp lý về xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp MTH vì mục đích thương mại... Những vấn đề này vẫn chưa được giải quyết triệt để, do đó có nguy cơ gây ra những khó khăn nhất định trong quá trình giải quyết tranh chấp, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các chủ thể tham gia. Cụ thể:

- Đối với việc xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp có sự vi phạm về điều kiện hoặc quy trình thực hiện.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, việc thực hiện sinh con bằng kỹ thuật MTH vì mục đích nhân đạo sẽ phải tuân thủ những điều kiện và quy trình khắt khe về mặt kỹ thuật¹³. Tuy nhiên, quá trình thẩm định hồ sơ cũng như quy trình thực hiện kỹ thuật vẫn có khả năng có những sai sót nhất định mà đôi khi sự sai sót đó có thể vi phạm điều kiện thực hiện MTH vì mục đích nhân đạo (người mang thai không phải là người thân thích cùng hàng, vợ chồng đã có con chung, người mang thai hộ không có sự

đồng ý của người chồng hợp pháp, cơ sở thực hiện không đủ điều kiện thực hiện theo quy định của Bộ Y tế...). Vậy, với những thỏa thuận không đủ điều kiện thực hiện do lỗi vô ý hoặc cố ý trong quá trình thẩm định, nhưng vẫn tiến hành thì sau khi đứa trẻ sinh ra việc giải quyết quan hệ cha, mẹ con trong trường hợp trên sẽ như thế nào? Đây vẫn là một “khoảng trống” pháp lý tương đối lớn. Về mặt nguyên tắc, nếu thỏa thuận MTH không đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật thì thỏa thuận đó vô hiệu. Đương nhiên, thỏa thuận vô hiệu sẽ không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý đối với các bên. Tuy nhiên, vấn đề này có liên quan trực tiếp đến trẻ em và nếu không công nhận quan hệ cha, mẹ, con giữa bên nhờ mang thai và đứa trẻ thì quyền lợi của trẻ em sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp. Do vậy, vấn đề này cần được cân nhắc và hướng dẫn kịp thời nhằm tránh các trường hợp vi phạm xảy ra cũng như tạo cơ chế pháp lý và sự ràng buộc trách nhiệm đối với các cơ sở y tế thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.

Theo quan điểm của các tác giả, nếu vi phạm về các điều kiện thực hiện, nhưng đứa trẻ đó được sinh ra là do trước đó phôi được thụ tinh từ trứng của người vợ và tinh trùng của người chồng trong cặp vợ chồng nhờ MTH thì cặp vợ chồng đó vẫn được xác định là cha mẹ của trẻ và họ có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho trẻ. Tuy nhiên, pháp luật cũng cần đặt ra các biện pháp chế tài xử lý đủ sức răn đe đối với các cơ sở y tế để hạn chế tình trạng thẩm định hồ sơ MTH tắc trách dẫn đến sự vi phạm pháp luật. Chẳng hạn, tước giấy phép thực hiện nếu vi phạm quá số lần quy định; tước chứng chỉ hành nghề đối với cán bộ y tế thẩm định thiếu trách nhiệm dẫn đến sai phạm; đồng thời áp dụng các chế tài khác như phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức

¹³ Xem thêm văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 30/1/2019 của Bộ Y tế về Nghị định quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

vụ... Đối với chủ thể thực hiện MTH, nếu có tình lợi dụng quy định của pháp luật về MTH vì mục đích nhân đạo để vi phạm về điều kiện thực hiện có thể bị xử lý hành chính, dân sự hoặc hình sự tùy thuộc mức độ vi phạm.

- Vấn đề này cũng được đặt ra tương tự với việc giải quyết hậu quả pháp lý về xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích thương mại.

MTH vì mục đích thương mại là hành vi bị nghiêm cấm theo pháp luật Việt Nam¹⁴. Do đó, khi các chủ thể thực hiện hành vi này không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên cũng như không làm phát sinh quan hệ cha, mẹ, con giữa bên nhờ mang thai và đứa trẻ được sinh ra. Điều đó có nghĩa là nếu các bên thực hiện hành vi MTH vì mục đích thương mại thì đứa trẻ được sinh ra về nguyên tắc vẫn là con của người phụ nữ MTH, mặc dù đứa trẻ không có cùng huyết thống với người đã sinh ra nó. Đương nhiên, bên nhờ MTH dù có quan hệ huyết thống vẫn không được xác định là cha mẹ của trẻ. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là, cách thức giải quyết hậu quả trong trường hợp như vậy rất dễ dẫn đến nguy cơ xâm phạm nghiêm trọng quyền trẻ em do khi người MTH không thể giao con và cũng không có quan hệ huyết thống với trẻ thì trẻ sẽ phải đối mặt với khả năng bị bỏ rơi hoặc không được quan tâm, chăm sóc. Vì vậy, việc không công nhận quan hệ cha, mẹ, con giữa bên nhờ MTH và đứa trẻ được sinh ra vô hình trung sẽ khiến trẻ em thành “nạn nhân” của một thỏa thuận trái pháp luật do người lớn thực hiện. Các tác giả cho rằng, cho dù rơi vào hoàn cảnh nào thì trẻ em vẫn luôn phải là đối tượng được ưu tiên và bảo vệ tối đa. Và nguyên tắc này cần được luật

hóa: “*Trong mọi trường hợp, lợi ích của trẻ em được sinh ra luôn được đặt lên hàng đầu và phải được xem là tối quan trọng*”. Theo các tác giả, cách thức giải quyết hậu quả pháp lý, đặc biệt là việc xác định quan hệ cha, mẹ, con cũng cần được cân nhắc và hướng dẫn xử lý để làm sao tránh những hệ quả tiêu cực nhất với trẻ em. Về vấn đề này, một trong những kinh nghiệm quốc tế rất có giá trị tham khảo đó là Phán quyết số 648 ngày 4/10/2019 (10-19.053) của Hội nghị toàn thể - Tòa giám đốc thẩm của Pháp - ECLI: FR: CCASS: 2019: AP00648. Phán quyết này bắt đầu từ một thỏa thuận MTH vì mục đích thương mại của một cặp vợ chồng là công dân Pháp nhờ một người phụ nữ tại California (Hoa Kỳ) sinh con cho họ. Sau khi sinh, đứa trẻ đã được đăng kí khai sinh tại quận San Diego (California). Tuy nhiên, khi trở về Pháp, cặp vợ chồng nhờ MTH yêu cầu thực hiện việc ghi chú khai sinh cho đứa trẻ tại Pháp thì bị từ chối. Do đó, họ đã khởi kiện tại Tòa án của Pháp, nhưng yêu cầu này cũng không được chấp nhận với lý do là thỏa thuận MTH tại California đã vi phạm Điều 16-7 Bộ luật Dân sự Pháp và đứa trẻ không được thừa nhận là con của bên nhờ MTH vì trái với trật tự công cộng của đất nước này. Khi yêu cầu không được chấp nhận, cặp vợ chồng này kháng cáo lên Tòa án Nhân quyền châu Âu. Trong một phán quyết vào ngày 26/6/2014, Tòa án Nhân quyền châu Âu cho rằng, các phán quyết của Tòa án Pháp trước đó đã vi phạm Điều 8 Công ước châu Âu về Bảo vệ quyền con người và các quyền tự do cơ bản¹⁵ liên quan đến quyền được tôn trọng

¹⁵ Điều 8 Công ước này quy định: Quyền được tôn trọng đời sống riêng tư và gia đình

“1. Mọi người có quyền được tôn trọng đời sống riêng tư và gia đình, nhà cửa và thư từ của mình.

2. Cơ quan công quyền sẽ không can thiệp vào việc thực hiện quyền này, trừ trường hợp là phù hợp với

¹⁴ Xem Điều 5 Luật HN&GD năm 2014; Điều 187 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

đời sống riêng tư và gia đình; Nhà nước Pháp phải trả một khoản tiền cho hai người nộp đơn để bồi thường thiệt hại. Trên cơ sở đó, vụ việc phức tạp kéo dài này cuối cùng đã được giải quyết bằng Phán quyết số 648. Theo đó, Tòa giám đốc thẩm Pháp đưa ra nhận định: Căn cứ vào Điều 8 Công ước châu Âu về Bảo vệ quyền con người và các quyền tự do cơ bản, được giải thích bởi Tòa án Nhân quyền châu Âu, vì lợi ích tốt nhất của đứa trẻ thì việc đứa trẻ được sinh ra ở nước ngoài bắt nguồn từ thỏa thuận MTH vì mục đích thương mại bị cấm theo Điều 16-7 và 16-9 của Bộ luật Dân sự, nhưng không thể viện dẫn điều đó để xâm phạm một cách bất bình đẳng đến đứa trẻ và xâm phạm quyền được tôn trọng đời sống riêng tư, ngăn cản việc sao chép giấy khai sinh của các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ở nước ngoài đối với cha, mẹ đẻ của đứa trẻ. Theo phán quyết này, Tòa giám đốc thẩm chấp nhận sao chép giấy khai sinh và xác định bên nhờ MTH là cha mẹ hợp pháp chỉ khi người nhờ MTH có quan hệ huyết thống với đứa trẻ. Trong trường hợp nếu bên nhờ MTH không có quan hệ huyết thống thì họ chỉ có thể nhận đứa trẻ đó làm con nuôi¹⁶. Các tác giả cho rằng, phán quyết này có giá trị tham khảo tốt trong việc xác định quan hệ cha, mẹ, con đối với các trường hợp MTH vì mục đích thương mại xảy ra tại Việt Nam. Có một điểm tương tự trong cách thức giải quyết của cơ quan có

thẩm quyền của Cộng hoà Pháp trước đó và Tòa án Việt Nam hiện nay là không công nhận quan hệ cha, mẹ, con giữa đứa trẻ được sinh ra và bên nhờ MTH vì mục đích thương mại do vi phạm điều cấm của pháp luật. Tuy nhiên, cách thức giải quyết tranh chấp nói trên sẽ dẫn đến nguy cơ xâm phạm nghiêm trọng quyền trẻ em, do trẻ phải đối mặt với khả năng bị bỏ rơi hoặc không được chăm sóc. Do đó, mặc dù MTH vì mục đích thương mại, nhưng nếu khi giải quyết tranh chấp có cơ sở để xác định đứa trẻ có quan hệ huyết thống với người nhờ MTH thì vẫn được xác định là con của cặp vợ chồng này để đảm bảo rằng trẻ nhận được tình yêu thương và chăm sóc tốt nhất. Tuy nhiên, mỗi cá nhân đều phải nhận thức được MTH vì mục đích thương mại là hành vi bị nghiêm cấm. Nếu họ cố tình vi phạm thì việc áp dụng các chế tài xử lý là cần thiết. Vì vậy, cần xây dựng khuôn khổ pháp lý ngăn chặn các cặp vợ chồng bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật thực hiện hành vi MTH vì mục đích thương mại bằng việc quy định những chế tài đủ mạnh đối với người nhờ MTH và người MTH như xử lý hình sự¹⁷ thay vì chỉ xử phạt vi phạm hành chính¹⁸ như hiện nay. Có như vậy chúng ta mới có thể đảm bảo sự răn đe và tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời có thể bảo vệ tốt nhất quyền lợi của trẻ em được sinh ra từ việc áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

luật pháp và cần thiết trong một xã hội dân chủ vì lợi ích của an ninh quốc gia, an toàn công cộng hoặc phúc lợi kinh tế của quốc gia, để phòng chống rối loạn hoặc tội phạm, để bảo vệ sức khỏe hoặc đạo đức, hoặc để bảo vệ các quyền và tự do của người khác”.

¹⁶ Xem nội dung Phán quyết số 648 ngày 4/10/2019 (10-19.053) của Tòa giám đốc thẩm Pháp - Hội nghị toàn thể - ECLI: FR: CCASS: 2019: AP00648, https://www.courdecassation.fr/jurisprudence_2/assemblee_pleniere_22/648_4_43606.html, truy cập ngày 20/12/2021.

¹⁷ Pháp luật Việt Nam hiện hành mới chỉ quy định về Tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại tại Điều 187 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), mà chưa có các quy định về việc áp dụng chế tài hình sự đối với người nhờ mang thai hộ và người mang thai hộ vì mục đích thương mại.

¹⁸ Xem Điều 60 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.